

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2022/DS-PT
Ngày: 12-9-2022
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
góp hui, vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Văn Tâm**.

Các Thẩm phán: ông **Hà Chí Quốc**; ông **Hồ Văn Cường**.

Thư ký phiên tòa: ông **Thái Công Hậu** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà **Huỳnh Thị Mộng Thúy** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 225/2022/TLPT-DS ngày 12 tháng 8 năm 2022, về “Tranh chấp hợp đồng góp hui, vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 29-6-2022 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 242/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị **Cao Thùy L**, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp C S, xã L G, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* bà **Ngô Thị P**, sinh năm 1967; địa chỉ: ấp P T, xã L P, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. *Người kháng cáo:* bà Ngô Thị P – là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Cao Thùy L trình bày:

Vào ngày 19-6-2021 âm lịch, chị có cho bà P vay số tiền 30.000.000 đồng, hai bên có làm giấy tay, bà P ký tên và lấn tay, thỏa thuận lãi suất 1.500.000 đồng/tháng, thời hạn vay 01 tháng, tuy nhiên thỏa thuận trên không ghi vào trong giấy nợ, sau đó bà P không trả vốn cũng không trả lãi suất cho chị.

Ngoài ra, bà P còn tham gia 08 dây hội do chị làm chủ thảo, cụ thể như sau:

1. Dây hội 2.000.000 đồng (dây 1), ngày 20-12-2019 âm lịch, một tháng mở 01 lần, mãn hội vào ngày 20-7-2021 âm lịch, gồm 21 phần, bà P tham gia 01 phần. Bà P lĩnh hội vào ngày nào chị không nhớ, nhưng khi mãn hội hai bên thống nhất bà P còn nợ lại 09 lần hội, còn phải góp với số tiền 18.000.000 đồng.

2. Dây hội 2.000.000 đồng (dây 2), ngày 20-12-2019 âm lịch, một tháng mở 01 lần, mãn hội vào ngày 20-7-2021 âm lịch, gồm 21 phần, bà P tham gia 01 phần. Bà P lĩnh hội vào ngày nào chị không nhớ, nhưng khi mãn hội hai bên thống nhất bà P còn nợ lại 09 lần hội, còn phải góp với số tiền 18.000.000 đồng.

3. Dây hội 2.000.000 đồng (dây 1 và 2), ngày 10-4-2020 (ngày dương lịch, tháng âm lịch), một tháng mở 01 lần, mãn hội vào ngày 10-12-2021 âm lịch, mỗi dây hội gồm 21 phần, bà P tham gia mỗi dây 02 phần. Bà P lĩnh hội vào tháng 6, 7, 10 và 12-2020; sau khi lĩnh hội vào tháng 12-2020 xong, bà P không góp hội nữa, hiện tại còn nợ lại 12 lần hội, còn phải góp với số tiền 96.000.000 đồng.

4. Dây hội 2.000.000 đồng (dây 1), ngày 09-10-2020 âm lịch, một tháng mở 01 lần, mãn hội vào ngày 09-6-2022 âm lịch, gồm 21 phần, bà P tham gia 01 phần. Bà P lĩnh hội vào ngày 09-3-2021, sau khi lĩnh hội xong thì bà P không góp hội nữa, hiện tại còn nợ lại 15 lần hội, còn phải góp với số tiền 30.000.000 đồng.

5. Dây hội 2.000.000 đồng (dây 2), ngày 09-10-2020 âm lịch, một tháng mở 01 lần, mãn hội vào ngày 09-6-2022 âm lịch, gồm 21 phần, bà P tham gia 01 phần. Bà P lĩnh hội vào ngày 09-3-2021, sau khi lĩnh hội xong thì bà P không góp hội nữa, hiện tại còn nợ lại 15 lần hội, còn phải góp với số tiền 30.000.000 đồng.

Tổng cộng nợ hội là 192.000.000 đồng, bà P có nhờ mẹ ruột là bà Nguyễn Thị H trả cho chị 3.000.000 đồng, khấu trừ còn nợ lại 189.000.000 đồng.

Tất cả các dây hội nêu trên chị đều có ghi vào sổ theo dõi. Tuy nhiên, dây hội tại mục 1 và 2 do mãn hội đã lâu nên chị không còn giữ sổ, các dây hội còn lại chị đã cung cấp giấy hội. Sau đó, hai bên có chốt lại nợ hội và làm giấy nợ vào ngày 15-12-2021, bà P thừa nhận còn nợ tiền hội 189.000.000 đồng, bà P ký tên và lấn tay trên giấy nợ, giấy này chị đã nộp cho Tòa án. Chị có yêu cầu trả nhiều lần, bà P hẹn khi nào bán đất sẽ trả nhưng khi bán đất xong vẫn không trả, sau đó lại tiếp tục giao dịch phần đất còn lại nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Chị khởi kiện yêu cầu bà P trả số tiền 219.000.000 đồng, trong đó tiền vay là 30.000.000 đồng và tiền hội là 189.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

- *Bị đơn bà Ngô Thị P trình bày:* cách đây khoảng 02 năm, bà có vay của chị L số tiền 30.000.000 đồng, thời gian cụ thể bà không nhớ rõ, khi vay không làm giấy tờ. Ngày 12-11-2021 âm lịch, chị L làm giấy nợ, bà có ký tên và lấn tay. Từ khi vay, bà trả lãi đủ cho chị L 1.500.000 đồng/tháng, chỉ từ thời điểm

Tết Nguyên đán năm 2022 cho đến nay, bà không trả nữa do tình hình dịch bệnh không đi làm được, việc giao nhận tiền lãi không làm giấy tờ.

Đối với tiền nợ hội thì chị L trình bày không đúng. Bà chỉ còn nợ chị L tiền hội còn phải góp của 02 dây hội 2.000.000 đồng/dây, hội mở vào ngày mùng 9 hàng tháng (còn cụ thể vào tháng và năm nào bà không nhớ), mỗi dây hội gồm 21 phần, bà đã lĩnh hội hết cả 02 dây, lĩnh hội khi nào bà không nhớ, sau khi lĩnh hội bà có góp hội khoảng 01-02 lần thì không góp nữa. Hiện tại, bà còn nợ lại khoảng 16-17 lần hội còn phải góp, với số tiền khoảng 64.000.000 đồng. Bà thừa nhận có nhờ mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Hoa trả cho chị L 3.000.000 đồng, sau khi khấu trừ bà ước tính còn nợ lại tiền hội của chị L 64.000.000 đồng.

Đối với dây hội tại mục 1, 2 mà chị L trình bày, bà xác nhận có tham gia và góp hội đầy đủ nhưng không có giấy tờ chứng minh; theo thường lệ, khi đến ngày góp thì hai bên giao nhận tiền, không lập giấy tờ.

Đối với dây hội tại mục 3 mà chị L trình bày, bà xác nhận có tham gia nhưng chỉ tham gia 02 phần và đã góp hội đầy đủ, tuy nhiên bà không có giấy tờ để chứng minh; theo thường lệ, khi đến ngày góp thì hai bên giao nhận tiền, không lập giấy tờ. Sau đó, bà được người tham gia góp hội chung cho mượn giấy hội và bà đã phô-tô, giao nộp cho Tòa án, nội dung trên giấy hội thể hiện chị L đã đánh dấu (x) đầy đủ đến mãn hội, chứng tỏ bà đã góp hội đầy đủ. Còn 02 phần hội còn lại chị L tự ý xóa, xong ghi tên của bà thêm vào và cho rằng bà tham gia 04 phần.

Bà chỉ đồng ý một phần đối với yêu cầu khởi kiện của chị L, cụ thể bà chỉ đồng ý trả cho chị L 30.000.000 đồng tiền vay và tiền hội là 64.000.000 đồng. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 29-6-2022 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 470 và 471 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 147 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thùy L đối với bà Ngô Thị P, về “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hội”.

Buộc bà Ngô Thị P có nghĩa vụ trả cho chị Cao Thùy L số tiền 219.000.000 (hai trăm mười chín triệu) đồng, trong đó tiền nợ vay là 30.000.000 đồng và tiền nợ hội là 189.000.000 đồng.

Ngày 12-7-2022, bà P kháng cáo, cho rằng bản thân không biết chữ, chị L cũng không đọc nội dung giấy nợ ngày 15-12-2021 cho bà nghe để ký tên và lấn tay, cho nên chỉ đồng ý trả 30.000.000 đồng tiền nợ vay và 64.000.000 đồng tiền nợ hội.

Tại phiên tòa phúc thẩm: chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bà P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*** Phân tranh luận:**

- *Chị L trình bày:* số tiền 189.000.000 đồng được trích từ chứng từ gốc là 08 dây hụi 2.000.000 đồng/tháng mà bà P tham gia nhưng không góp hụi chết mà không có giấy xác nhận nợ; tổng cộng, tiền hụi chết của 08 dây hụi mà bà P không góp là 192.000.000 đồng, chị đã đóng choàng cho bà P toàn bộ số tiền này, sau đó bà P có nhờ mẹ ruột là bà Nguyễn Thị H trả cho chị 3.000.000 đồng, còn nợ lại 189.000.000 đồng, chị kêu con chị viết giấy nội dung bà P nợ 189.000.000 đồng đưa cho bà P ký tên và lặn tay; trước khi bà P lặn tay, chị có đọc cho bà P nghe.

- *Bà P trình bày:* bà chỉ tham gia góp 02 dây hụi 2.000.000 đồng/tháng do chị L là chủ thảo, khai hụi ngày mùng 09 hàng tháng (không nhớ ngày, tháng mở hụi); sau khi lĩnh hụi xong, bà còn nợ chị L tiền hụi chết của 02 dây hụi này là 64.000.000 đồng. Ngoài ra, bà không nợ chị L số tiền nào khác. Việc bà lặn tay trên giấy nợ là do bà không biết chữ, chị L không đọc nội dung giấy nợ cho bà nghe.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: chị L không có đầy đủ chứng cứ chứng minh rằng bà P nợ số tiền 189.000.000 đồng, kháng cáo của bà P là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà P; sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, xét kháng cáo của bà Ngô Thị P, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: đương sự kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: chị Cao Thùy L khởi kiện bà Ngô Thị P cho rằng bà P tham gia góp hụi nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ của hụi viên, lĩnh hụi xong không góp hụi chết, số tiền hụi bà P còn nợ là 189.000.000 đồng, yêu cầu bà P trả nợ; bà P chỉ thừa nhận tham gia góp hụi với chị L 02 dây hụi, chỉ còn nợ 64.000.000 đồng.

[3] Xét kháng cáo của bà P, thấy rằng:

[3.1] Về chứng cứ: từ tháng 12 năm 2019, chị L là chủ thảo các dây hụi,

nhưng giấy hội không có chữ ký của hội viên, chị L không giao giấy hội cho hội viên, khi hội viên lĩnh hội chị cũng không làm biên nhận để chứng minh việc giao tiền lĩnh hội. Nhận thấy, giao dịch góp hội của chị L đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 7, 8 và 13 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính Phủ, quy định về “*hội, họ, biểu, phường*”. Văn bản hội do chị L lập không thể hiện rõ số dây hội bà P tham gia, không có chứng cứ chứng minh bà P không góp hội chết, giấy hội tẩy xóa, dán giấy đè tên hội viên. Chị L trình bày trong giấy hội mỗi ô đánh dấu (X) coi như hội viên đã đóng xong, số tiền bà P nợ là trích từ 08 dây hội, nhưng qua đối chiếu chứng từ gốc (giấy hội) chị L cung cấp thì không có cơ sở xác định số nợ trên được trích từ các giấy hội này, tất cả các ô trong giấy hội có tên P đều được đánh (X), chị L không có chứng cứ khác chứng minh đã đóng choàng hội chết cho bà P. Bà P là người không biết chữ nhưng giấy nợ do chị L lập không có người làm chứng, chị L cho rằng có đọc cho bà P nghe nhưng bà P không thừa nhận, chị L không có căn cứ gì khác chứng minh bà P nợ 189.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm dựa vào giấy nợ do chị L lập ngày 15-12-2021, có dấu vân tay của bà P để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, buộc bà P phải trả toàn bộ số tiền 189.000.000 đồng là chưa đánh giá toàn diện về chứng cứ, bởi lẽ chứng từ gốc chị L trình bày phải phù hợp với giấy nợ chị L cung cấp thì chứng cứ mới đảm bảo tính khách quan, vững chắc; chứng cứ chị L cung cấp chưa đảm bảo tính thuyết phục nên kháng cáo của bà P là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị L, buộc bà P phải trả cho chị L số tiền nợ hội 64.000.000 đồng là phù hợp tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L về việc đòi bà P trả tiền nợ hội 125.000.000 đồng.

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Đối với số tiền 30.000.000 đồng mà bà P vay của chị L, do không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016;

- Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là $125.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 6.250.000 \text{ đồng}$.

- Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về phần yêu cầu của chị L được Tòa án chấp nhận là $94.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.700.000 \text{ đồng}$.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/QH.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị P.

Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 16/2022/DSST ngày 29-6-2022 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 463, 466, 470 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 7, 8, 13 và 16 của Nghị định số 119/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ, quy định về “hội, họ, biểu, phường”; khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, góp hội” của chị Cao Thùy L đối với bà Ngô Thị P.

1.1. Buộc bà Ngô Thị P có nghĩa vụ trả cho chị Cao Thùy L số tiền 94.000.000 (chín mươi bốn triệu) đồng, trong đó tiền nợ vay là 30.000.000 đồng và tiền nợ hội là 64.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của chị Cao Thùy L về việc đòi bà Ngô Thị P trả thêm số tiền nợ hội 125.000.000 (một trăm hai mươi lăm triệu) đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Cao Thùy L phải chịu số tiền 6.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 5.475.000 đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp theo 02 (hai) Biên lai thu số 0022616 và 0022617 ngày 01-3-2022, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; chị L còn phải nộp số tiền 775.000 (bảy trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

- Bà Ngô Thị P phải chịu số tiền 4.700.000 (bốn triệu, bảy trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: bà Ngô Thị P không phải chịu; hoàn trả cho bà P số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà P đã nộp theo Biên lai thu số 0022741 ngày 12-7-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Bến Cầu;
- CCTHADS huyện Bến Cầu;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Tâm